

Trường: THCS xã Công Hòa
Năm học: 2025 - 2026

SỔ NHẬP KHO VÀ KIỂM KÊ TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

MÔN: Quyển 1

Người phụ trách: Trần Thị Đình

Đơn vị: Trường THCS xã Công Hòa

Số TT	Phân nhập kho				
	Ngày tháng năm	Tên thiết bị	Năm sản xuất	Đơn vị (bộ chiếc)	Số lượng
1.	Lớp 6A ; ĐC	Bàn ghế' gv		1 bộ	1
2		Bàn ghế' hs, giảng		bộ	22
3		Bóng tuýp		quả	6
4		Quạt trần		chiếc	2
5		Quạt treo tường		chiếc	5
6		Bóng vút		chiếc	1
7		Ti vi (đtk) dây HDMI		bộ	1
8		Máy tính x Usb		bộ	1
9		Ảnh, Đĩa ; CD, DT-HT 5 chữ		chiếc	5
10		TBĐH (compa, e ki, đo độ thước		bộ	1



Phân nhập kho

Số TT	Ngày tháng năm	Tên thiết bị	Năm sản xuất	Đơn vị (bộ chiếc)	Số lượng
11	6B	Bàn ghế' gv		bộ	1
12		Bàn ghế' hs giảng		bộ	8
13		Bàn ghế' hs gõ ép		bộ	8
14		Bàn ghế' hs văng		bộ	5
15		Bóng tuýp		quả	6
16		Quạt trần		chiếc	2
17		Quạt treo tường		chiếc	5
18		Bảng viết		chiếc	1
19		Đi v(ck); dây HDMI		bộ	1
20		Máy tính usb		bộ	1
21		TBĐT (compa, eki, đồ đồ, ...)		bộ	1
22		Ảnh bác; CD, DT - HT 5 chữ		bộ chiếc	5



Phân nhập kho

Số TT	Ngày tháng năm	Tên thiết bị	Năm sản xuất	Đơn vị (bộ chiếc)	Số lượng
23	7A	Bàn ghế' g v		bộ	1
24		Bàn ghế' hs gỗ ép		bộ	6
25		Bàn ghế' hs văng		bộ	15
26		Bóng tuýp		quả	6
27		Quạt trần		chiếc	2
28		Quạt treo tường		chiếc	5
29		Bảng viết		chiếc	1
30		Ti vi (Hc); dây HDMI		bộ	1
31		Máy tính x usb		bộ	1
32		Ảnh báo, đồ; DT-HH; Sưu		chiếc	5
33		TB DH C compa, eka, đo độ trượt		bộ	1



Phần nhập kho

Số TT	Phần nhập kho				
	Ngày tháng năm	Tên thiết bị	Năm sản xuất	Đơn vị (bộ chiếc)	Số lượng
98		loa đài		bộ	2
99	phong Tin học	máy tính bàn		bộ	24
100		sáng viết		chiếc	1
101		ti vi (cctv) chày nguồn viji		bộ	1
102		Quạt trần		chiếc	4
103		Quạt hơi nước		chiếc	1
104		Đồng tuyết		quả	6
105		bàn máy tính		chiếc	20
106		ghế tựa lưng		chiếc	47
107		CĐ, ảnh sắc, DT - HT, (chức)		chiếc	5

Số TT	Phân nhập kho				
	Ngày tháng năm	Tên thiết bị	Năm sản xuất	Đơn vị (bộ chiếc)	Số lượng
108		Ảnh chân dung KHI		chiếc	3
109		lioa		chiếc	1
	phòng công nghệ				
110		Bảng viết		chiếc	1
111		Bàn ghế' gv		bộ	1
112		bàn ghế' băng dài to		bộ	4b-38g
113		Quạt trần		chiếc	6
114		Bóng tuýp		el quá	6
115		Bảng Nội quy PCN-		chiếc	2
116		ảnh bác, CĐ, 5 chiếc, DT-11		chiếc	5
117		TB DH			

Trường: THCS CÔNG HOÀ

Năm học: 2025 - 2026

SỔ THEO DÕI VIỆC SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

Năm học: 2025. - 2026

MÔN: lịch sử - địa lý

Người phụ trách: Trần Thị Đình

Đơn vị: Trường THCS Công Hoà

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ: (theo PPCT)
T ₃	Tuần 8 28.10	phạm Thị Quyên	D ₁ : CD, tư tưởng quan trọng D ₂ : 1 chương sách VN D ₃ : 1 chương sách VN	10 10 11
T ₄	Tuần 9 5.11	phạm Thị Quyên	D ₁ : CD q. TD quan trọng	13
T ₃	Tuần 10 11.11	phạm Thị Quyên	D ₁ : chỉ đạo q. TD quan trọng D ₂ : D ² của xh. CA' D ₃ : Khu' hân VN D ₄ : Khu' hân VN D ₅ : Xđịnh phg. h'ng của TD	14 15 14 15 15
T ₃	Tuần 11 18.11	phạm Thị Quyên	D ₆ : Cầu Tao q. TD D ₇ : D ² của xh. CA' D ₈ : Khu' hân VN	16 16 16
T ₃	Tuần 12 25.11	phạm Thị Quyên	D ₁ : báo cáo chi C. H. D ₂ : Thuỷ văn VN D ₃ : Thuỷ văn VN D ₄ : Núi lửa & động đất	17 18 18 19
T ₃	Tuần 13 2.12	phạm Thị Quyên	D ₆ : Núi lửa & động đất D ₇ : báo cáo chi CA' D ₈ : Thuỷ văn VN D ₉ : Các dạng địa hình	20 18 20 21
T ₄	3.12			

Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
Quả địa cầu	28.10	<u>2</u>	28.10	<u>2</u>	
hộp bóng màu	29.10	<u>2</u>	29.10	<u>2</u>	
quả địa cầu	5.11	<u>2</u>	5.11	<u>2</u>	
sd quả địa cầu	11.11	<u>2</u>	11.11	<u>2</u>	
báo cáo xh. CA'	12.11	<u>2</u>	12.11	<u>2</u>	
báo cáo CA' - các chỉ kh	18.11	<u>2</u>	18.11	<u>2</u>	
la bàn	25.11	<u>2</u>	25.11	<u>2</u>	
tranh vẽ TD	26.11	<u>2</u>	26.11	<u>2</u>	
tranh báo CA'	2.12	<u>2</u>	2.12	<u>2</u>	
tranh các chỉ khu'	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
tranh báo CA'	2.12	<u>2</u>	2.12	<u>2</u>	
sd tin n' lớp	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
sd tin n' tại lớp	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
tranh vẽ các chỉ kh	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
tranh báo CA'	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
sd tin n' tại lớp	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	
sd tin n' tại lớp	3.12	<u>2</u>	3.12	<u>2</u>	

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ: (theo PPCT)
T ₃	Tuần 14 9.12	phạm Thị Quyên	Đp: Bê-tô cốt lõi CA'	19
			Đp: Các dạng cấu kiện	21
T ₅	11.12		Đg: Vững D.B.MN gia hồ	19
T ₂	Tuần 15 15.12	phạm Thị Quyên	Đp: Bê-tô cốt lõi CA'	20
T ₃	16.12		Đp: Tổng g.biến đổi KH	24
T ₄	17.12		Đp: Bê-tô cốt lõi CA'	21
T ₄	Tuần 16 24.12	phạm Thị Quyên	Đg: Vững D.B.S.H	22
T ₅	25.12		Đg: Vững D.B.S.H	22
T ₂	Tuần 18 5.1	phạm Thị Quyên	Đp: K' tu' c' lý CA'	25
T ₄	7.1		Đg: Vững D.B.S.H	24
T ₅	8.1		Đg: Vững D.B.S.H	24
T ₃	Tuần 19 20.1	phạm Thị Quyên	Đp: lớp vỏ khí q.TĐ át	28
			Đp: D'claw H.CPH	28
T ₄	21.1		Đg: Bắc Trung Bô	28
			Đp: lớp vỏ khí q.TĐ át	29
T ₃	Tuần 20 27.1	phạm Thị Quyên	Đp: Nhiệt độ k' khí'	30
			Đp: Phức tạp: CPH	29
T ₄	28.1		Đg: Bắc Trung Bô	30
			Đp: Nhiệt độ k' khí'	31
T ₅	29.1		Đg: Vững Nam Bô	31

Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
bản đồ CA'	9.12		9.12		
sd. tin tại lớp					
tranh TD MN gia hồ	11.12		11.12		
bê-tô CA'	15.12		15.12		
sd. tin tại lớp	16.12		16.12		
bê-tô CA'	17.12		17.12		
tranh bê-tô D.B.S.H	24.12		24.12		
" "	25.12		25.12		
bê-tô CPH	5.1		5.1		
tranh bê-tô D.B.S.H	7.1		7.1		
" "	8.1		8.1		
tranh lớp vỏ khí q.TĐ át	20.1		20.1		
tranh bê-tô CPH					
tranh bê-tô Bắc Trung Bô	21.1		21.1		
tranh lớp vỏ khí q.TĐ át	22				
nhật kế y t' né	27.1		27.1		
sd. đồ CPH					
bê-tô Bắc Trung Bô	28.1		28.1		
nhật kế y t' né					
bê-tô Nam Bô	29.1		29.1		

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ (theo PPCT)
T5	Tuần 21 4.2	phạm Thị Quyên	Dg: Vững Nam Trung Bô	3.2
T4,5	Tuần 22 14.2	phạm Thị Quyên	Dg: Vững Nam Trung Bô	3.4
T4 T5	Tuần 23 25.2 26.2	phạm Thị Quyên	Dg: Vững Nam Trung Bô Dg: Vĩ li' thi' CMỹ	3.6 3.2
T2 T3 T4	Tuần 24 2.3 3.3 4.3	phạm Thị Quyên	D: D ² TN Bắc Mỹ Vĩ li' thi' CMỹ Dg: Vững Đông Nam Bô Dg: D ² TN Bắc Mỹ	3.3 3.2 3.7 3.3
T2 T3 T6	Tuần 25 9.3 10.3 13.3	phạm Thị Quyên	Dg: D ² TN Bắc Mỹ Dg: Vững D.N Bô Dg: D ² clui XH Bắc Mỹ	34.55 3.8 3.6
T2 T4 T6	Tuần 26 16.3 18.3 20.3	phạm Thị Quyên	Dg: D ² clui XH Bắc Mỹ Dg: D TN Trung & N Mỹ Dg: D ² TN Trung & N Mỹ	3.7 3.8 3.8
T2 T3 T4	Tuần 28 30.3 31.3 1.4	phạm Thị Quyên	Dg: D ² TN Trung & N Mỹ Dg: Vững D.B.S.C Long Dg: lớp cắt tấn Bô	4.1 4.2 4.2

Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
tranh vũng Nam Trung Bô	4.2		5.2		
tranh vũng Nam Trung Bô	11.2		12.2		
tranh Nam Trung Bô bô CMỹ	25.2 26.2	 	25.2 26.2	 	
bô CMỹ TN Trung "	2.3		2.3		
bô Đông Nam Bô bô Bắc Mỹ	3.3 4.3	 	3.3 4.3	 	
bô TN Bắc Mỹ bô D.N Bô bô TN Bắc Mỹ	9.3 10.3 13.3	 	9.3 10.3 13.3	 	
bô D ² clui Bắc Mỹ bô Trung & N Mỹ "	16.3 18.3 20.3	 	16.3 18.3 20.3	 	
tranh D ² TN Trung & N Mỹ tranh D.B.S.C Long tranh lớp cắt tấn Bô	30.3 31.3 1.4	 	30.3 31.3 1.4	 	

Trường: THCS CÔNG HÒA.....

Năm học: 2025 - 2026

SỔ THEO DÕI VIỆC SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

Năm học: 2025 - 2026

MÔN: KHTN, CÔNG NGHỆ.....

Người phụ trách: Trần Thị Đình.....

Đơn vị: Trường THCS Công Hòa.....

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ: (theo PPCT)
T ₃	Tuần 1 9 9	Vũ T. Kim Thoa	Hệ số số hóa chất Pb	1
			có bản & PTH	
T ₄	10 9		Hệ An bản PTH	1
T ₅	11 9		Số khai quát về độ thối	1
		Đào Văn Vinh	Hệ số số hóa Pb, Pb PTH	2
			có bản & PTH	
T ₂	8 9	Nguyễn Thành Công	Hệ g thiêu HTH từ lò	1
T ₃	9 9		Hệ khai lượng riêng	1
T ₂	8 9	Nguyễn Thị Công	Công nghệ nấu chuẩn về bản vẽ	1
T ₃	9 9		Công nghệ g thiêu tổng hợp	
T ₄	10 9	Nguyễn Thị Công	Công nghệ nghề nghiệp & lực kế thuật & công nghệ	2
Tuần 2		Đào Văn Vinh		
T ₂	15 9		Hệ số khai quát về độ thối	2
T ₃	16 9		Lực kế thuật & công nghệ	2
		Nguyễn Thành Công	Hệ số khai quát về độ thối	4
			Hệ số khai quát về độ thối	2
T ₂	15 9		Công nghệ nấu chuẩn về bản vẽ	3
T ₃	16 9		Công nghệ g thiêu tổng hợp	2
T ₅	18 9		Công nghệ khai quát về độ thối	2
			Công nghệ khai quát về độ thối	2
T ₆	19 9		Công nghệ khai quát về độ thối	4
			Công nghệ khai quát về độ thối	2

Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
Số thí nghiệm tại lớp, bút chì	9 9	Uut	9 9	Uut	
Bình cầu, rỗng quy PTH					
Mô hình có thể	10 9	Uut	10 9	Uut	
Phòng thực hành HTH	11 9	Uut	11 9	Uut	
Có thể, lõi, thanh	8 9	Uut	8 9	Uut	
Cần thí nghiệm, quả nặng	9 9	Uut	9 9	Uut	
Bảo vệ nhà, phòng	8 9	Uut	8 9	Uut	
Sinh chất phối hợp					
Đầu, đầu, đầu	9 9	Uut	9 9	Uut	
Số thí nghiệm tại lớp	10 9	Uut	10 9	Uut	
Số thí nghiệm tại lớp	15 9	Uut	15 9	Uut	
Cần thí nghiệm, quả nặng	16 9	Uut	16 9	Uut	
Mang thí nghiệm, bị sắt					
Mp chiếu x u t u mp chiếu	15 9	Uut	15 9	Uut	
Đầu, đầu, đầu	16 9	Uut	16 9	Uut	
Bản vẽ nhà					
Đầu, đầu, đầu	18 9	Uut	18 9	Uut	
Mp chiếu x u t u mp chiếu	19 9	Uut	19 9	Uut	
Bản vẽ nhà					

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ: (theo PPCT)
		Vũ Thu Kim Thoa		
T ₂	15.9		H ₆ : An toàn ở PTH	2
T ₃	16.9		H ₈ : sđ 1 h ₂ , T ₂ cơ bản	3
			S ₉ : Các quy luật q. Mendel	2
T ₄	17.9		S ₈ : hệ vận động ở th ₂	2
			S ₆ : sử dụng kính lúp	4
	Tuần 3	Đào Văn Vinh		
T ₂	22.9		S ₆ : sử dụng kính lúp	5
			S ₉ : Các q. luật Mendel	3
T ₃	23.9		L ₄ : XĐ K ₂ riêng	3
			L ₃ : Do tế bào	3
		Nguyễn Thị Giang	S ₇ : Quang hợp ở N	5
T ₃	23.9	Nguyễn Thành Công	CN ₄ : làm chất lỏng cây	3
T ₃	23.9		CN ₇ : làm chất lỏng cây	3
T ₄	25.9		CN ₈ : bản vẽ chu kỳ	6
		Vũ T. Kim Thoa		
T ₃	23.9		H ₆ : p ₁ h ₂	5
			S ₉ : qđ di truyền q. Menđen	3
			S ₈ : sđ kính hiển vi	5
T ₅	25.9		H ₉ : Dãy FID H ₂	05
	Tuần 5	Đào Văn Vinh		
T ₂	6.10		S ₉ : Quy luật di truyền	4
T ₃	7.10		L ₄ : Do tế bào	5
			L ₆ : hình chuỗi lực	5
		Nguyễn Thị Giang	S ₇ : Quang hợp cây xanh	9
T ₃	7.10	Nguyễn Thành Công	CN ₄ : bản vẽ lớp	8
T ₂	6.10		CN ₇ : bản vẽ nhà	10
T ₅	9.10			

Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
Nhũ quy, bình cốc PTH	15.9	lưu	15.9	lưu	
phương KTHN	16.9	lưu	16.9	lưu	
sđ di truyền đầu h ₂ lan					
mô hình nước	17.9	lưu	17.9	lưu	
kính lúp cầm tay					
kính lúp cầm tay	22.9	Vh	22.9	Vh	
sđ di truyền đầu h ₂ lan					
cân m ₂ n ₂ , quả nặng	23.9	Vh	23.9	Vh	
h ₂ máy A h ₂					
kính hiển vi lá cây	23.9	lgn	23.9	lgn	
đĩa, dao cắt	23.9	lgn	23.9	lgn	
" "	25.9	lgn	25.9	lgn	
bản vẽ nhà					
sđ p ₁ h ₂	23.9	lưu	23.9	lưu	
sđ di truyền đầu h ₂ lan					
mô hình kính hiển vi					
bảng môn hoàn	25.9	lưu	25.9	lưu	
lại 2 cặp II & đg lai	6.10	Vh	6.10	Vh	
máy atđ	7.10	Vh	7.10	Vh	
lực 10' 5N, 10N					
kính lúp	7.10	lgn	7.10	lgn	
bản vẽ lớp viny d ₂	6.10	lgn	6.10	lgn	
bản vẽ nhà 1 tầng	9.10	lgn	9.10	lgn	

Số TT	Ngày đăng ký	Họ tên người mượn	Tên bài dạy	Tiết thứ: (theo PPCT)
T ₄	11.2	Nguyễn Thị Trang	Đ. Tđ. g. công. chun	31
T ₅	10.2		cong. tinh to. ao. ch. p. mang chun. tay nha	35
T ₄	Tuần 23 25.2	Nguyễn Thị Trang	cong. bip. c. t. mang chun. b. nha	36
		Đào Văn Vinh		
T ₄	25.2	Đào Văn Vinh	ly. Cường độ. d. d. HDT	52
T ₄	27.2		Lg. D. l. d. luật. om	26
T ₆			Lg. Đ. m. m. ch. n. o. i. l. u. p.	27
T ₃	Tuần 25 10.3	Vũ T. Kim Thoa	Sg. Sinh sản ở người	26
T ₃	10.3	Đào Văn Vinh	Lg. NLg. d. l. s.	24
T ₄	11.3		Lg. Đ. o. c. d. d. s. t. t.	34
T ₃	Tuần 27 24.3	Ng. Thị Trang	cong. lập. d. t. mang chun. b. nha	44
		Đào Văn Vinh		
T ₂	23.3	Vũ T. Kim Thoa	Sg. Di. t. h. o. c. u. c. u. n. h.	31
T ₃	24.3		Lg. S. u. p. x. a. d. l. s.	27
T ₄	25.3		Lg. NLg. nh. i. e. t. m. o. i.	36
T _{5,6}	26.3		Hg. Tinh. b. i. t. x. c. l. o. l. u. k. s. e.	41



Tên thiết bị dạy học	Ngày mượn	Ký nhận	Ngày trả	Ký trả	Ghi chú
ng. dây chun. A, v.	11.2	th	11.2	th	
s. d. h. u. x. m. o. h. i. n. h. mang chun.	10.2	Zgn	10.2	Zgn	
l. p. d. t. mang chun.	25.2	Zgn	25.2	Zgn	
A, v. ng. chun. b. u. d.	25.2	th	25.2	th	
b. A, v. ng. chun. d. a. y. chun. h. u. a. k. x. i. n.	27.2	th	27.2	th	
sinh sản ở nữ	10.3	th	10.3	th	
p. n. h. t. d. a. y. t. o. p. n. g.	10.3	th	10.3	th	
A, v. ng. chun. b. i. t. h. a.	11.3	th	11.3	th	
m. o. h. i. n. h. l. a. p. d. t. chun.	24.3	Zgn	24.3	Zgn	
h. a. n. h. o. l. t. i. h. a.	23.3	th	23.3	th	
h. a. n. h. p. h. a. d. l. s.	24.3	th	24.3	th	
c. o. t. T. r. e. o. i. p. m. i. n. e.	25.3	th	25.3	th	
v. e. t. g. a. o. t. u. a. n. g.	26.3	th	27.3	th	